

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

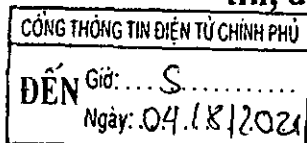
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07 /2021/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 27 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 405/TTr-STNMT ngày 18 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 8 năm 2021 và thay thế Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. *Trần*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của Quyết định;
- Bộ Tài nguyên và Môi Trường;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ TN&MT);
- TT.Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT (05 bản);
- Công báo tỉnh;
- Website Kiên Giang;
- LĐVP, P.KT, P.TH;
- Lưu: VT, STNMT, hđtan. (75 b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần

Lâm Minh Thành

QUY CHẾ

Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: Đ/2021/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám, biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (sau đây gọi chung là dữ liệu tài nguyên và môi trường); trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Các nội dung không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân có hoạt động thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 3. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải là bản chính, bản gốc gồm các thông tin, dữ liệu quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP được thu nhận và lưu trữ theo đúng quy định.

Điều 4. Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.



Chương II

THU THẬP, QUẢN LÝ, KHAI THÁC, CHIA SẺ VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 5. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải căn cứ kế hoạch được duyệt theo các nguyên tắc sau:

1. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong việc thu thập và giao nộp thông tin, dữ liệu. Bảo đảm dữ liệu được thu thập chính xác, đầy đủ, có hệ thống. Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được giao nộp gồm thông tin, dữ liệu dạng số và trên giấy.

2. Thu thập, tập hợp, quản lý đầy đủ các nguồn thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Lưu trữ, bảo quản đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài, thuận tiện.

4. Tổ chức có hệ thống phục vụ thuận tiện khai thác và sử dụng, phát huy hiệu quả, tiết kiệm chung cho xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

5. Được công bố công khai và được quyền tiếp cận theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin, trừ các thông tin, dữ liệu thuộc về bí mật Nhà nước và hạn chế sử dụng.

6. Phục vụ kịp thời công tác quản lý Nhà nước, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo, nâng cao dân trí.

7. Sử dụng đúng mục đích, phải trích dẫn nguồn và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước, sở hữu trí tuệ.

8. Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được thu thập

1. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá, xử lý. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tuân thủ theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện.

Điều 7. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Văn phòng Đăng ký đất đai được giao quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm:

1. Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Xây dựng kế hoạch thu thập theo danh mục quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT; bố trí kinh phí để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ xây dựng, quản lý, cập nhật, chỉnh lý thống nhất hồ sơ địa chính; Việc cập nhật thông tin, dữ liệu vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định tại khoản 6, Điều 26 Thông tư số 24/2014 /TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính.

3. Thực hiện việc sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Có giải pháp, cơ chế đảm bảo phục hồi thông tin, dữ liệu trong trường hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hư hỏng, bị phá hủy hoặc do các hành vi trái phép xâm nhập đánh cắp dữ liệu.

Điều 8. Bảo quản, lưu trữ, tu bổ và bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Bảo quản, lưu trữ, tu bổ thông tin, dữ liệu:

a) Việc lưu trữ, bảo quản và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo Luật Lưu trữ và các văn bản hướng dẫn nhằm tạo ra các điều kiện tốt nhất để bảo đảm an toàn và kéo dài tuổi thọ cho tài liệu, nhằm phục vụ được tốt các yêu cầu khai thác, sử dụng tài liệu.

b) Việc tiêu hủy tài liệu thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hết giá trị phải tuân theo các quy định của pháp luật về lưu trữ, các quy định, quy trình, quy phạm và quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

c) Văn phòng Đăng ký đất đai quản lý và sử dụng dữ liệu đất đai, có trách nhiệm cập nhật vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin. Phối hợp với Công an tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông có biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng.

b) Văn phòng Đăng ký đất đai làm nhiệm vụ bảo đảm an toàn cơ sở dữ liệu, thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu.

Điều 9. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được phép khai thác, sử dụng và phải nộp phí, lệ phí (nếu có) theo quy định.

2. Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo Điều 16, 17, 18 và 19, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP và đảm bảo các nguyên tắc quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 10. Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các Sở, ban ngành trên địa bàn tỉnh; giữa các Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; giữa các cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường và giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trên nguyên tắc:

a) Kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

b) Bảo đảm việc tiếp cận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ kịp thời cho việc đánh giá, dự báo, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

c) Bảo đảm việc trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu được thông suốt, kịp thời, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin.

2. Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý với các Bộ, ngành trung ương và địa phương khác theo quy định.

Điều 11. Kinh phí thu thập, xử lý thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh được phân bổ từ nguồn kinh phí sự nghiệp tài nguyên và môi trường hàng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ các đơn vị thực hiện theo chức năng nhiệm vụ.

2. Đối với kinh phí xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập dự án xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện.

Điều 12. Thẩm quyền cung cấp thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường độ Tuyệt mật, Tối mật.

2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cho phép cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường độ Mật.

3. Thủ trưởng cơ quan lưu trữ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho phép cung cấp sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường ngoài các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường quy định tại khoản 1, Điều này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì, có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của địa phương:

a) Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh theo quy định; tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt.

b) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường của tỉnh và tổ chức công bố trên trang tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, cổng thông tin điện tử tỉnh; xây dựng vận hành cơ sở dữ liệu phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trong tỉnh với các tỉnh, thành phố và các Bộ, ngành.

c) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định pháp luật.

d) Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai thu thập, lưu trữ, quản lý, sử dụng và bảo quản cung cấp thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường; hàng năm xây dựng kế hoạch chính lý hồ sơ, tài liệu dạng giấy, quét số hóa vào phần mềm “Kho lưu trữ” để xây dựng cơ sở dữ liệu ngành một cách có hệ thống, khoa học nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

đ) Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai tổ chức khai thác, cung cấp thông tin dữ liệu về tài nguyên và môi trường phục vụ quản lý Nhà nước theo đúng quy định; phục vụ công tác giải quyết thanh tra, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tài nguyên môi trường; các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo, nâng cao dân trí trên địa bàn tỉnh; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường; thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương theo quy định.

2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh:

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trong lĩnh vực phụ trách.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh.

b) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện, thành phố; cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Văn phòng Đăng ký đất đai.

4. Tổ chức, cá nhân có liên quan:

a) Giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo nguyên tắc quy định tại khoản 1, Điều 5 của Quy chế này. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cho việc thu nhận, tạo lập và cung cấp, chia sẻ, hiến tặng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho cơ quan Nhà nước góp phần bảo vệ chủ quyền quốc gia, phục vụ lợi ích chung của xã hội và đúng quy định của pháp luật.

b) Trách nhiệm tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 14. Quy định chuyển tiếp

Các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, xây dựng bằng ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được xử lý như sau:

1. Đối với những thông tin, dữ liệu đã được nghiệm thu, đánh giá thì các cơ quan, tổ chức đang quản lý thông tin, dữ liệu có trách nhiệm cung cấp toàn bộ thông tin, dữ liệu đó cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời hạn cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hoàn thành chậm nhất là 03 tháng, kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

2. Đối với nhiệm vụ, dự án, đề án, đề tài, chương trình đang triển khai thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước thì tổ chức, cá nhân phải giao nộp cho cơ quan quản lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo nguyên tắc quy định tại khoản 1, Điều 5 của Quy chế này.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.